

Số: 2470/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18/02/2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 56/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định số: 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021, số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 98/TTr-CĐBVN ngày 19/12/2025 của Cục Đường bộ Việt Nam về phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo thẩm định số 387/BC-HĐTDQH ngày 10/12/2025 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa hướng tuyến của các tuyến cao tốc, quốc lộ trong quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định hướng tuyến cơ bản, các điểm khống chế chính, dự kiến chiều dài các tuyến đường bộ.

- Hoạch định quy mô các tuyến cao tốc, quốc lộ qua từng địa phương, từng vùng; xác định sơ bộ quy mô của cầu, hầm trên tuyến đường bộ; xác định các điểm giao cắt chính, phương án kết nối với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu vốn đầu tư.

- Xác định lộ trình thực hiện quy hoạch từng đoạn tuyến cao tốc, quốc lộ cụ thể cho các giai đoạn đến năm 2030 và giai đoạn sau năm 2030.

- Là cơ sở để địa phương triển khai các quy hoạch khác có liên quan, quản lý quy hoạch và triển khai đầu tư các tuyến đường bộ được giao, phân cấp.

2. Nội dung quy hoạch

a) Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản, các điểm khống chế chính, dự kiến chiều dài qua từng địa phương, từng vùng của từng tuyến cao tốc, quốc lộ theo các phụ lục, hồ sơ chi tiết kèm theo. Trong đó:

- Đối với các đoạn tuyến tránh, đoạn cần điều chỉnh cục bộ hướng tuyến (nếu có) sẽ được xác định trong quy hoạch của địa phương hoặc do cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án sau khi có ý kiến của cơ quan tổ chức lập quy hoạch này và địa phương có liên quan (nếu có ảnh hưởng) để bảo đảm tính kinh tế - kỹ thuật, đồng bộ với các quy hoạch và dự án có liên quan.

- Trường hợp triển khai dự án đầu tư tuyến cao tốc, quốc lộ, do yêu cầu điều chỉnh quy hoạch của địa phương hoặc yêu cầu khác, vị trí điểm đầu, điểm cuối của tuyến đường có thể được xác định khác với vị trí trong hồ sơ quy hoạch bảo đảm không thay đổi tính kết nối của tuyến đường, bảo đảm tính kinh tế - kỹ thuật và được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Các địa danh được sử dụng để xác định điểm đầu, điểm cuối, hướng tuyến, vị trí giao cắt... trong hồ sơ quy hoạch được cập nhật theo tên địa danh mới. Trường hợp địa danh có sự thay đổi, chưa thống nhất hoặc khác với thực tế, việc xác định địa danh theo bản vẽ chi tiết trong hồ sơ quy hoạch của tuyến đường.

b) Quy mô mặt cắt ngang, tiêu chuẩn kỹ thuật

Quy mô mặt cắt ngang các tuyến cao tốc, quốc lộ được xác định theo số làn xe trong các phụ lục, hồ sơ chi tiết kèm theo, bề rộng chi tiết của các cơ cấu, thành

phần mặt cắt ngang (làn xe chạy, lề đường, dải an toàn, lề đất, mái taluy, đường gom, đường dân sinh...) được xác định tương ứng với tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường (bảo đảm phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, nhu cầu vận tải, công năng, vai trò của tuyến đường) trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án. Trong đó:

- Quy mô các tuyến cao tốc, quốc lộ là quy mô tối thiểu (số làn xe tối thiểu) trên toàn đoạn tuyến. Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, khu vực đông dân cư, các đoạn tuyến có quy mô hiện trạng lớn hơn quy mô quy hoạch hoặc các đoạn tuyến cần đầu tư với quy mô lớn hơn thì quy mô các đoạn tuyến này được xác định theo quy mô của quy hoạch khác có liên quan hoặc theo quy mô hiện trạng đoạn tuyến hoặc theo tính toán chi tiết trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án và được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư quyết định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Các đoạn tuyến cao tốc, quốc lộ qua khu vực đô thị hoặc qua khu vực có điều kiện đặc biệt, tùy theo điều kiện cụ thể sẽ được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, quyết định đầu tư xem xét, quyết định phương án xây dựng cầu cạn, hầm hoặc đường thông thường trên cơ sở so sánh kinh tế - kỹ thuật trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.

- Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố mặt cắt ngang tương ứng với phần tuyến.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật (cấp đường, tốc độ thiết kế) được xác định theo tổng thể của tuyến đường. Tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể của các đoạn tuyến được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư trên cơ sở số liệu chi tiết, điều kiện khu vực (trong đô thị hoặc ngoài đô thị, miền núi hoặc đồng bằng...).

c) Các điểm giao cắt chính

- Các điểm giao cắt chính từng tuyến cao tốc, quốc lộ theo hồ sơ chi tiết kèm theo.

- Vị trí, loại hình nút giao khác mức liên thông của các tuyến cao tốc; đầu nối vào quốc lộ được xác định bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về đường bộ, an toàn giao thông, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

d) Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

- Các đoạn tuyến kết nối tuyến cao tốc, quốc lộ với các đầu mối giao thông (cửa khẩu, cảng biển, cảng thủy nội địa, ga đường sắt, cảng hàng không...) là đường địa phương hoặc đường chuyên dùng. Quy mô, hướng tuyến cụ thể các đoạn tuyến này được quyết định trong quy hoạch của địa phương.

- Chủ đầu tư các khu kinh tế, khu dân cư, khu đô thị và các công trình tập trung lưu lượng giao thông lớn cần xây dựng hệ thống đường gom để kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ tại những vị trí nhất định theo quy định của pháp luật về đường bộ.

- Việc xây dựng, tổ chức giao thông hệ thống đường bên dọc các tuyến cao tốc; đường gom, đường bên dọc các tuyến quốc lộ do địa phương quyết định bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

đ) Công trình trạm dừng nghỉ

Vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ trên các tuyến cao tốc, quốc lộ được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án có liên quan, trong đó:

- Vị trí trạm dừng nghỉ bảo đảm khoảng cách theo yêu cầu quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

- Quy mô trạm dừng nghỉ được tính toán, xác định bảo đảm đáp ứng nhu cầu dừng nghỉ trên tuyến, phù hợp với quy định tại quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

3. Kết quả quy hoạch

a) Hệ thống đường bộ cao tốc

Hệ thống đường bộ cao tốc được quy hoạch 43 tuyến, tổng chiều dài khoảng 8.923 km, cụ thể:

- Trục dọc Bắc - Nam, gồm: tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông chiều dài khoảng 2.065 km và tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây chiều dài khoảng 1.205 km (Chi tiết tại Phụ lục 1).

- Khu vực phía Bắc, gồm: 14 tuyến, chiều dài khoảng 2.242 km (Chi tiết tại Phụ lục 2).

- Khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gồm: 11 tuyến, chiều dài khoảng 1.353 km (Chi tiết tại Phụ lục 3).

- Khu vực phía Nam, gồm: 11 tuyến, chiều dài khoảng 1.342 km (Chi tiết tại Phụ lục 4).

- Vành đai thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh gồm: 03 tuyến vành đai thành phố Hà Nội, chiều dài khoảng 417 km và 02 tuyến vành đai Thành phố Hồ Chí Minh, chiều dài khoảng 299 km (Chi tiết tại Phụ lục 5).

b) Hệ thống quốc lộ

Hệ thống quốc lộ được quy hoạch gồm 172 tuyến, tổng chiều dài khoảng 28.614 km, cụ thể:

- Trục dọc Bắc - Nam, gồm: quốc lộ 1, chiều dài khoảng 2.218 km và đường Hồ Chí Minh, chiều dài khoảng 1.894 km (Chi tiết tại Phụ lục 1).

- Khu vực phía Bắc, gồm: 21 tuyến quốc lộ chính yếu, chiều dài khoảng 6.530 km (Chi tiết tại Phụ lục 6) và 34 tuyến quốc lộ thứ yếu, chiều dài khoảng 3.857 km (Chi tiết tại Phụ lục 7).

- Khu vực miền Trung và Tây Nguyên, gồm: 24 tuyến quốc lộ chính yếu, chiều dài khoảng 4.275 km (Chi tiết tại Phụ lục 8) và 47 tuyến quốc lộ thứ yếu, chiều dài khoảng 4.393 km (Chi tiết tại Phụ lục 9).

- Khu vực phía Nam, gồm: 17 tuyến quốc lộ chính yếu, chiều dài khoảng 2.378 km (Chi tiết tại Phụ lục 10) và 27 tuyến quốc lộ thứ yếu, chiều dài khoảng 3.069 km (Chi tiết tại Phụ lục 11).

4. Nhu cầu sử dụng đất: khoảng 200.430 ha.

5. Nhu cầu vốn đầu tư: khoảng 3.230.000 tỷ đồng.

6. Nguồn vốn: vốn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn vay ODA, vốn huy động ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

7. Lộ trình thực hiện quy hoạch

Tiến độ thực hiện từng tuyến cao tốc được xác định cụ thể theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg, số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ.

Việc mở rộng các tuyến cao tốc theo quy mô quy hoạch, nâng cấp, mở rộng các đoạn quốc lộ hoặc xây dựng tuyến tránh được xác định trên cơ sở kết quả dự báo nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực.

8. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Thực hiện các giải pháp quy hoạch đã được xác định tại Quyết định 1454/QĐ-TTg, số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng

- Công bố quy hoạch, bàn giao cho chính quyền địa phương liên quan hồ sơ quy hoạch để quản lý quỹ đất cho việc xây dựng đường theo quy hoạch.

- Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước trong giai đoạn đầu tư, vận hành khai thác đối với các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

2. Các Bộ, ngành liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ vào các quy hoạch có liên quan; phối hợp với Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Tổ chức quản lý quỹ đất cho quy hoạch theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan. Đồng thời trên cơ sở quy hoạch này, chủ động lập dự án, huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, bảo trì các đoạn tuyến được phân cấp.

- Phối hợp với các địa phương có liên quan trong quá trình đầu tư bảo đảm thống nhất, đồng bộ về quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật giữa các đoạn tuyến.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng trong quá trình đầu tư, quản lý, khai thác tuyến cao tốc, quốc lộ.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, các dự án trên địa bàn quản lý phù hợp với nội dung quy hoạch. Thông báo về quy hoạch tuyến đường trên địa bàn địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ; các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc; các Cục: Đường bộ Việt Nam, Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Kết cấu hạ tầng xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC LONGPV

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục 1.1: Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Hữu Nghị thuộc địa phận xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn.

Điểm cuối: xã Hồ Thị Kỷ, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 2.065 km. Đi qua địa bàn 23 tỉnh, thành phố: Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ, An Giang và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 - 12 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

- Đoạn cửa khẩu Hữu Nghị - Bắc Giang, Phú Thù - Dầu Giây, Trung Lương - Cà Mau: 6 làn xe.

- Đoạn Bắc Giang - Pháp Vân, Long Thành - Bến Lức: 8 làn xe.

- Đoạn vành đai 4 Hà Nội - Phú Thù, Dầu Giây - Long Thành, vành đai 4 TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương: 10 làn xe.

- Đoạn Pháp Vân - vành đai 4 Hà Nội, Bến Lức - vành đai 4 TP. Hồ Chí Minh: 12 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 22.001 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 401.220 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 1.2: Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, thuộc địa phận xã Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 1.205 km. Đi qua địa bàn 15 tỉnh, thành phố: Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Cần Thơ và An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 - 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

- Đoạn Tuyên Quang - Phú Thọ, Chợ Bến - Rộ: 4 làn xe.

- Đoạn Phú Thọ - Chợ Bến, Ngọc Hồi - Rạch Sỏi: 6 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 9.669 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 300.110 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 1.3: Quốc lộ 1

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Hữu Nghị, thuộc địa phận xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 2.218 km. Đi qua địa bàn 23 tỉnh, thành phố: Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hà Nội, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cần Thơ và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường tô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 11.819 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 29.764 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 1.4: Đường Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực Pác Bó, thuộc địa phận xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng.

Điểm cuối: tại khu vực mũi Cà Mau, thuộc địa phận xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 1.894 km. Đi qua địa bàn 15 tỉnh, thành phố: Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, An Giang và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn Pác Bó - Cao Bằng, QL.8C - QL.15, QL.49F - QL.49E, cầu Thanh Mỹ - QL.14E, Rạch Sỏi - QL.1 (Cà Mau): 4 làn xe.

- Các đoạn còn lại: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 12.641 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 82.841 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.1: Tuyến cao tốc Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên (CT.03)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với vành đai 3 - Hà Nội, thuộc địa phận phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tây Trang, thuộc địa phận xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 395 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Sơn La và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn vành đai 3 - Mộc Châu: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

Đoạn Mộc Châu - Điện Biên: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.6 và QL.279.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 - 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

- Đoạn vành đai 3 - Hòa Bình: 6 làn xe.

- Đoạn Hoà Bình - Điện Biên: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 3.156 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 76.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Hoà Lạc - Mộc Châu.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Mộc Châu - Điện Biên.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.2: Tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Long Biên, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.5, thuộc địa phận phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 106 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 996 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.3: Tuyến cao tốc Hà Nội - Lào Cai (CT.05)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long, thuộc địa phận xã Nội Bài, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cầu Kim Thành, thuộc địa phận xã Cốc San, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 265 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Lào Cai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.491 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 38.444 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.4: Tuyến cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái (CT.06)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với ĐT.355, thuộc địa phận Đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 176 km. Đi qua địa bàn thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố phù hợp với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp; kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.654 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 26.400 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.5: Tuyến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (CT.07)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Võ Nguyên Giáp, thuộc địa phận phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 229km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thái Nguyên và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Hà Nội - Bắc Kạn: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

Đoạn Bắc Kạn - Cao Bằng: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.3.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 - 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

- Đoạn Hà Nội - Thái Nguyên: 6 làn xe.
- Đoạn Thái Nguyên - Cao Bằng: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình:

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.832 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 36.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Chợ Mới - Bắc Kạn - Cao Bằng.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.6: Tuyến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 117 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 936 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.100 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.7: Tuyến cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long (CT.09)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Kim Anh, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái, thuộc địa phận phường Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 140 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh và Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Nội Bài - Bắc Ninh: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

Đoạn Bắc Ninh - Hạ Long: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.18.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.316 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 48.011 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Nội Bài - Bắc Ninh theo quy mô quy hoạch.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Bắc Ninh - Hải Dương, đoạn Hải Dương - Hạ Long.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.8: Tuyến cao tốc Tiên Yên - Lạng Sơn - Cao Bằng (CT.10)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, thuộc địa phận xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, thuộc địa phận xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 235 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Tiên Yên - Đồng Đăng: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.4B.

Đoạn Đồng Đăng - Trà Lĩnh: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến của dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.880 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 41.079 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Đồng Đăng - Trà Lĩnh.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Tiên Yên - Đồng Đăng.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.9: Tuyến cao tốc Hà Nam - Nam Định (CT.11)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Liêm Tuyền, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Cổ Lễ, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 52 km. Đi qua địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Phủ Lý - Nam Định: hướng tuyến cơ bản đi trùng với đường hiện hữu.

Đoạn Nam Định - Xuân Trường: hướng tuyến cơ bản đi trùng với tuyến Nam Định - Lạc Quan - Đường ven biển.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 416 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 15.600 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét:

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng đoạn Phủ Lý - Nam Định.
- Ưu tiên đầu tư xây dựng mới đoạn Nam Định - Xuân Trường.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.10: Tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Mậu A, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 81km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lào Cai và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.70, QL.2, ĐT.165 và ĐT.152.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 648 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 24.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.11: Tuyến cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Bảo Hà, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại khu vực cửa Khâu Ma Lù Thàng, thuộc địa phận xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 163 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lào Cai và Lai Châu.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.279, QL.32 và QL.4D.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.304 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 49.200 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.12: Tuyên cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường vành đai 5 - Hà Nội, thuộc địa phận xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 39 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến quy hoạch và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 368 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 13.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.13: Tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, thuộc địa phận xã Nhữ Khê, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại khu vực Cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, thuộc địa phận xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 178km. Đi qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.424 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 14.802 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 2.14: Tuyên cao tốc Hưng Yên - Thái Bình (CT.16)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường vành đai 4 - Hà Nội, thuộc địa phận xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, thuộc địa phận xã Lê Lợi, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 66 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hưng Yên, Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn vành đai 4 - vành đai 5 Hà Nội: hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

Đoạn vành đai 5 - đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.39.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 528 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.1: Tuyên cao tốc Vinh - Thanh Thủy (CT.17)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy, thuộc địa phận xã Kim Bảng, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 60 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.46.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 611 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 26.325 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.2: Tuyên cao tốc Vũng Áng - Cha Lo (CT.18)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1 - tuyến tránh Kỳ Anh, khu kinh tế Vũng Áng, thuộc địa phận phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Cha Lo, thuộc địa phận xã Dân Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 95 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hà Tĩnh và Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.12A và QL.12C.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 760 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 34.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.3: Tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo (CT.19)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Ái Tử, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Lao Bảo, thuộc địa phận xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 56 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.9.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 448 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 16.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.4: Tuyên cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lê Thanh (CT.20)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.19B, thuộc địa phận phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.19, thuộc địa phận xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai.

Tổng chiều dài khoảng 177 km. Đi qua địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.19.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.352 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 50.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.5: Tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thanh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y (CT.21)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại khu vực khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, thuộc địa phận xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 176 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.14E và đường Hồ Chí Minh.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 04 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.408 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 52.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.6: Tuyến cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT.22)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Bình Chương, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Đà Nẵng - Thạnh Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y, thuộc địa phận xã Đăk Plô, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 116 km. Đi qua thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.24C.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 928 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 76.256 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.7: Tuyến cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk (CT.23)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Đắk Ruê, thuộc địa phận xã Ea Bung, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 207 km. Đi qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.29.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.656 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 62.100 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.8: Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (CT.24)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Ea Knuéc, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 117 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Khánh Hòa và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 936 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 35.902 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.9: Tuyến cao tốc Nha Trang - Liên Khương (CT.25)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Diên Thọ, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, thuộc địa phận phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 98 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Khánh Hòa và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.27C.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 784 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 30.370 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.10: Tuyến cao tốc Liên Khương - Buôn Ma Thuột (CT.26)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, thuộc địa phận xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Hòa Phú, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 115 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lâm Đồng và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.27.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.016 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 37.950 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 3.11: Tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum (CT.42)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Nguyễn Nghiêm, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Đăk Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 136 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.24.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.088 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 40.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.1: Tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (CT.27)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1 và đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, thuộc địa phận xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại khu vực đèo Prenn, thuộc địa phận phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 220 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đồng Nai và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.20.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 04 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.040 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 45.978 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.2: Tuyến cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (CT.28)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.56, thuộc địa phận phường Tam Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 54 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 - 8 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

- Đoạn QL.1 - cao tốc Bắc - Nam phía Đông và đoạn cao tốc Bến Lức - Long Thành - QL.56: 6 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cao tốc Bến Lức - Long Thành: 8 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 508 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 25.600 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.3: Tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (CT.29)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1 thuộc, địa phận xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 30 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 - 10 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

- Đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành: 10 làn xe.

- Đoạn nút giao với cao tốc Bắc - Nam phía Đông - Dầu Giây: 6 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 282 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 16.668 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.4: Tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại khu vực khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, thuộc địa phận xã Lộc Thạnh, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 118 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến đi theo hướng tuyến dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.062 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 49.732 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.5: Tuyên cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (CT.31)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.22, thuộc địa phận xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 51 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.22.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 459 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.617 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.6: Tuyên cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (CT.32)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, thuộc địa phận xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Xa Mát, thuộc địa phận xã Tân Lập, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 72 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.22B.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 576 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 21.600 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.7: Tuyến cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng (CT.33)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.50 và đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Hưng Long, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng thuộc địa phận xã Tàì Văn, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 151 km. Đi qua địa bàn 5 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Tây Ninh, Đồng Tháp và Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với đường ven biển.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.380 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 59.550 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.8: Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (CT.34)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.91, thuộc địa phận phường Vĩnh Tế, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với quốc lộ Nam Sông Hậu, thuộc địa phận xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 188km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.767 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.740 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.9: Tuyến cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu (CT.35)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Hà Tiên, thuộc địa phận phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 195km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, An Giang và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Hà Tiên - Rạch Giá: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.80.

Đoạn Rạch Giá - Bạc Liêu: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.63.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.560 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 58.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.10: Tuyến cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh (CT.36)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Dinh Bà, thuộc địa phận xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Định An, thuộc địa phận xã Đại An, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 181km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đồng Tháp và Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn Dinh Bà - Cao Lãnh và đoạn Cao Lãnh - An Hữu: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.91.

Đoạn An Hữu - Trà Vinh: hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.54.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.448 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 54.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 4.11: Tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi (CT.43)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông thuộc địa phận xã Hồ Thị Kỷ, tỉnh Cà Mau.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Phan Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 82km. Đi qua địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.1.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 4 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 656 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 24.000 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 5.1: Vành đai 3 thành phố Hà Nội (CT.37)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Võ Văn Kiệt, thuộc địa phận xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: trùng với điểm đầu.

Tổng chiều dài khoảng 42 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 610 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 5.2: Vành đai 4 thành phố Hà Nội (CT.38)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc địa phận xã Kim Anh, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long, thuộc địa phận phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 103 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hưng Yên và Bắc Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.298 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 85.813 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 5.3: Vành đai 5 thành phố Hà Nội (CT.39)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với tuyến đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Yên Bài, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: trùng với điểm đầu.

Tổng chiều dài khoảng 272 km. Đi qua địa bàn 7 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Phòng, Ninh Bình và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đây.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 6 làn xe, tốc độ thiết kế 80 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ được xác định theo dự án triển khai, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 3.093 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 126.720 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 5.4: Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh (CT.40)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Phước An, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 92 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 8 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 865 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 22.411 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 5.5: Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh (CT.41)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với ĐT.992, thuộc địa phận xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Hiệp Phước, thuộc địa phận xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 207 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến của các dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường cao tốc 8 làn xe, tốc độ thiết kế 100 - 120 km/h.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.059 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 61.947 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.1: Quốc lộ 5

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Nguyễn Văn Cừ, thuộc địa phận phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thuộc địa phận phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 110 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp II.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 480 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.704 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.2: Quốc lộ 18

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Móng Cái, thuộc địa phận phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 279 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Ninh và Bắc Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.217 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.153 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.3: Quốc lộ 2

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, thuộc địa phận xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy, thuộc địa phận xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 300 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - QL.3B: 4 làn xe.

- Đoạn QL.3B - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.137 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 11.540 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.4: Quốc lộ 3

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí phía Bắc cầu Đuống, thuộc địa phận xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tà Lùng, thuộc địa phận xã Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 182 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thái Nguyên và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.314 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.096 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.5: Quốc lộ 32

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí ngã tư Mai Dịch, thuộc địa phận phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí ngã ba Bình Lư, thuộc địa phận xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 376 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Lào Cai và Lai Châu.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Tây: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Tây - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.449 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 11.728 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.6: Quốc lộ 70

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại khu vực ngã ba Bản Phiệt, thuộc địa phận phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 194 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lào Cai và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.279: 4 làn xe.

- Đoạn QL.279 - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 735 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.404 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.7: Quốc lộ 6

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với vành đai 3 - Hà Nội, thuộc địa phận phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 462 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Sơn La và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 6 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình: 6 làn xe.

- Đoạn cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình - QL.6C: 4 làn xe.

- Các đoạn còn lại: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.096 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.313 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.8: Quốc lộ 21

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.32, thuộc địa phận phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với tuyến đường ven biển, thuộc địa phận xã Hải Thịnh, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 215 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 922 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.9: Quốc lộ 21B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 181 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 822 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.10: Quốc lộ 10

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: nhánh 1: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nhánh 2: tại khu vực cầu Ghép, thuộc địa phận xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 249 km. Đi qua địa bàn 5 tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình và Thanh Hoá.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 930 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.000 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.11: Quốc lộ 37B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.38, thuộc địa phận phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 140 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 599 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.720 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.12: Quốc lộ 38

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.21B, thuộc địa phận phường Nguyễn Uy, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 93 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 411 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.600 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.13: Quốc lộ 39

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.38, thuộc địa phận phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Diêm Điền, thuộc địa phận xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 105 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Bắc Ninh và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 450 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.040 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.14: Quốc lộ 12B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường ven biển, thuộc địa phận xã Kim Đông, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 136 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Ninh Bình và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 595 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.660 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.15: Quốc lộ 12

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng, thuộc địa phận xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.4G, thuộc địa phận xã Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 312 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.051 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 8.832 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.16: Quốc lộ 3B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nà Nưa, thuộc địa phận xã Quốc Khánh, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng chiều dài khoảng 317 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh: Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.055 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 8.876 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.17: Quốc lộ 4G

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nậm Lạnh, thuộc địa phận xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 150 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 642 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.424 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.18: Quốc lộ 21C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường vành đai 3 - Hà Nội thuộc địa phận phường Định Công, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông thuộc địa phận phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 110 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 486 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.645 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.19: Vành đai 1 (gồm các QL.4, 4A, 4B, 4C, 4D, 4H)
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Mũi Chùa, thuộc địa phận xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu A Pa Chải, thuộc địa phận xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 1.216 km. Đi qua địa bàn 7 tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 6.473 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 35.246 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.20: Vành đai 2 (Quốc lộ 279)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tây Trang, thuộc địa phận xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 841 km. Đi qua địa bàn 9 tỉnh: Quảng Ninh, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.754ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 23.492 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.21: Vành đai 3 (Quốc lộ 37)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Diêm Điền, thuộc địa phận xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.4G, thuộc địa phận xã Phiêng Pắn, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 562 km. Đi qua địa bàn 7 tỉnh, thành phố: Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - vành đai 5 - TP. Hà Nội: 4 làn xe.

- Đoạn vành đai 5 - TP. Hà Nội - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.896ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 15.792 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.1: Quốc lộ 32C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 96 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Phú Thọ và Lào Cai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 320 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.688 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.2: Quốc lộ 18C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 115 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 365 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 900 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.3: Quốc lộ 38B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.12B, thuộc địa phận xã Quỳnh Lưu, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 134 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 574 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.280 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.4: Quốc lộ 31

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại khu kinh tế cửa khẩu Bản Chắt, thuộc địa phận xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng chiều dài khoảng 156 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Bắc Ninh và Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 519 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.5: Quốc lộ 32B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.70B, thuộc địa phận xã Xuân Viên, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 45 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Phú Thọ và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 157 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.316 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.6: Quốc lộ 2C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.32, thuộc địa phận phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 313 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Hà Nội - Lào Cai: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Hà Nội - Lào Cai - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.272 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.560 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.7: Quốc lộ 34

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại vị trí cửa khẩu Trà Lĩnh, thuộc địa phận xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 278 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Tuyên Quang và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 929 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 13.300 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.8: Quốc lộ 1B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.3, thuộc địa phận phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng chiều dài khoảng 145 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Thái Nguyên và Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 483 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.9: Quốc lộ 43

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.37, thuộc địa phận xã Gia Phù, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại khu kinh tế cửa khẩu Pa Háng, thuộc địa phận xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 115 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 361 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.424 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.10: Quốc lộ 4E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.4, thuộc địa phận xã Lũng Pình, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc địa phận xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 131 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 429 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.864 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.11 : Quốc lộ 4H

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận xã Na Sang, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với vành đai 1 (QL.4H2), thuộc địa phận xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 152 km. Đi qua địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 370 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.526 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.12: Quốc lộ 4H3

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.4H, thuộc địa phận xã Mường Tè, Lai Châu.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu U Ma Tu Khoòng, thuộc địa phận xã Thu Lũm, Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 67 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 212 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.876 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.13: Quốc lộ 12D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận xã Mường Túng, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nà Búng thuộc địa phận xã Nà Búng, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 126 km. Đi qua địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 417 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.14: Quốc lộ 279B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường tỉnh ĐT.141B, thuộc địa phận xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 12 km. Đi qua địa bàn tỉnh Điện Biên,

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 40 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.15: Quốc lộ 279C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: nhánh 1: tại khu vực cửa khẩu Huổi Puốc, thuộc địa phận xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên; nhánh 2: tại vị trí giao cắt với QL.4G thuộc địa phận xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 128 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Điện Biên và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 434 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.836 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.16: Quốc lộ 6B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 33 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 111 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 924 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.17: Quốc lộ 279D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 104 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Sơn La và Lai Châu

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4 Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến : khoảng 333 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.940 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.18: Quốc lộ 6C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 70 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 222 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.960 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.19: Quốc lộ 32D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Mậu A, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.70B, thuộc địa phận phường Tân Hoà, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 284 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Lào Cai, Sơn La và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4 Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 901 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.952 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.20: Quốc lộ 70B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.70, thuộc địa phận xã Tây Cốc, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường tỉnh ĐT.433, thuộc địa phận phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 142 km. Đi qua địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 463 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.912 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.21: Quốc lộ 2D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.32C, thuộc địa phận phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.2C, thuộc địa phận xã Thái Hoà, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 231 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Phú Thọ, Lào Cai và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 769 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.440 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.22: Quốc lộ 34B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Đức Long, thuộc địa phận xã Đức Long, tỉnh Cao Bằng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.3, thuộc địa phận xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 61 km. Đi qua địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản..

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 261 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.930 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.23: Quốc lộ 280

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.4C, thuộc địa phận xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 188 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 593 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.236 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.24: Quốc lộ 3C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.3, thuộc địa phận xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.34, thuộc địa phận xã Hưng Đạo, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 182 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Thái Nguyên và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 613 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.572 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.25: Đường nối cột cờ Lũng Cú

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.4C, thuộc địa phận xã Sà Phìn, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại khu vực cột cờ Lũng Cú thuộc địa phận xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 26 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 82 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.26: Quốc lộ 17B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.5, thuộc địa phận phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 42 km. Đi qua địa bàn thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 161 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 350 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.27: Quốc lộ 18B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận xã Quảng Đức, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh, thuộc địa phận xã Quảng Đức, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 17 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 53 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.28: Quốc lộ 17

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.5, thuộc địa phận xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1B, thuộc địa phận phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng chiều dài khoảng 143 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Bắc Ninh và Thái Nguyên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 624 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.936 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.29: Quốc lộ 37C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37B, thuộc địa phận xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã An Bình, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 68 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Ninh Bình và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 225 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.30: Quốc lộ 6D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Cao Phong, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.21, thuộc địa phận xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 74 km. Đi qua địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 241 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.128 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.31: Quốc lộ 39B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.38, thuộc địa phận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.21, thuộc địa phận xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 80 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 343 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.32: Quốc lộ 3E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1B, thuộc địa phận xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.4A, thuộc địa phận xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng chiều dài khoảng 54 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 172 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 918 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.33: Quốc lộ 38C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.39B, thuộc địa phận xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 28 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 121 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.400 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.34: Quốc lộ 5C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Lạch Huyện, thuộc địa phận Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 17 km. Đi qua địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 78 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.1: Quốc lộ 217

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường bộ ven biển, thuộc địa phận xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Na Mèo, thuộc địa phận xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 205 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 699 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.884 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.2: Quốc lộ 45

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường QL.21C, thuộc địa phận xã Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.48, thuộc địa phận xã Châu Bình, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 225 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Ninh Bình, Thanh Hóa và Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 836 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.627 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.3: Quốc lộ 47

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Trần Hưng Đạo, thuộc địa phận phường Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại vị trí khu kinh tế cửa khẩu Khèo, thuộc địa phận xã Bát Mọt, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 139 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp II-III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 645 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.048 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.4: Quốc lộ 7

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường bộ ven biển, thuộc địa phận xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nậm Cắn, thuộc địa phận xã Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 227 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.48E: 4 làn xe.

- Đoạn QL.48E - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 874 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 725 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.5: Quốc lộ 48

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Thông Thụ, thuộc địa phận xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 160 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.48D: 4 làn xe.

- Đoạn QL.48D - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 617 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.657 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.6: Quốc lộ 46

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Cửa Lò, thuộc địa phận phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy, thuộc địa phận xã Kim Bảng, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 82 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.15: 4 làn xe.

- Đoạn QL.15 - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 320 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.880 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.7: Quốc lộ 8

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cầu Cửa Hội, thuộc địa phận xã Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Cầu Treo, thuộc địa phận xã Sơn Kim 1, tỉnh Hà Tĩnh.

Tổng chiều dài khoảng 113 km. Đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.8C: 4 làn xe.

- Đoạn QL.8C - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 437 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.458 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.8: Quốc lộ 12A

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu quốc tế Cha Lo, thuộc địa phận xã Dân Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 106 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 401 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.932 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.9: Quốc lộ 12C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Vũng Áng, thuộc địa phận xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Minh Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 91 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hà Tĩnh và Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 350 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.371 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.10: Quốc lộ 9

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Cửa Việt, thuộc địa phận xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Lao Bảo, thuộc địa phận xã Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 95 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 358 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.205 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.11: Quốc lộ 15D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Mỹ Thủy, thuộc địa phận xã Mỹ Thủy, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu La Lay, thuộc địa phận xã La Lay, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 77 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản song hành với QL.9.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 299 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.182 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.12: Quốc lộ 49

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.49B, thuộc địa phận xã Thuận An, thành phố Huế.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, địa phận xã A Lưới 3, thành phố Huế.

Tổng chiều dài khoảng 78 km. Đi qua địa bàn thành phố Huế.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 345 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.144 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.13: Quốc lộ 14B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Vành đai thành phố Đà Nẵng, thuộc địa phận xã Hòa Tiến, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Thanh Mỹ, thành phố Đà Nẵng.

Tổng chiều dài khoảng 45 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 197 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.160 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.14: Quốc lộ 14D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Bến Giằng, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nam Giang, thuộc địa phận xã La Dê, thành phố Đà Nẵng.

Tổng chiều dài khoảng 72 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 239 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.382 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.15: Quốc lộ 24

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.14C, thuộc địa phận xã Rờ Koi, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 225 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 857 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 8.669 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.16: Quốc lộ 40B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường ven biển, thuộc địa phận phường Quảng Phú, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Đắc Tô, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 195 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 742 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.552 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.17: Quốc lộ 40

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: nhánh 1: tại khu vực cửa khẩu Bờ Y, thuộc địa phận xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi; nhánh 2: tại khu vực cửa khẩu Đắc Kôi thuộc địa phận xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 27 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 90 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 885 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.18: Quốc lộ 19

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Quy Nhơn, thuộc địa phận phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Lê Thanh, thuộc địa phận xã Ia Dom, tỉnh Gia Lai.

Tổng chiều dài khoảng 241 km. Đi qua địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 799 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.230 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.19: Quốc lộ 25

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Tổng chiều dài khoảng 180 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đắk Lắk và Gia Lai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - QL.19C: 4 làn xe.

- Đoạn QL.19C - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 695 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.048 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.20: Quốc lộ 26

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 151 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Khánh Hòa và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật, cao tốc Bắc - Nam phía Tây - đường Hồ Chí Minh: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 636 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.620 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.21: Quốc lộ 27

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.26, thuộc địa phận phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 274 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Khánh Hòa, Lâm Đồng và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông và đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Tây - cuối tuyến: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cao tốc Bắc - Nam phía Tây: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.039 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.522 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.22: Quốc lộ 28

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 310 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.308 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.447 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.23: Quốc lộ 29

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Vũng Rô, thuộc địa phận xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Đắk Ruê, thuộc địa phận xã Ea Bung, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 286 km. Đi qua địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.287 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.982 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 8.24: Đường Trường Sơn Đông

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Thanh Mỹ, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại phường Lang Biang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 671 km. Đi qua địa bàn 5 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.251 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 16.057 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.1: Đường Nghi Sơn - Bãi Trành

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Xuân Bình, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 46 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 195 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.184 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.2: Quốc lộ 217B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Quang Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 51 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 167 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 336 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.3: Quốc lộ 47C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.45, thuộc địa phận xã Trung Chính, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Kiên Thọ, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 52 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 169 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.491 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.4: Quốc lộ 47B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, thuộc địa phận xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại khu vực khu kinh tế Nghi Sơn, thuộc địa phận phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 130 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - QL.1: 2 làn xe.

- Đoạn QL.1 - cuối tuyến: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 452 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.632 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.5: Quốc lộ 16

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.43, thuộc địa phận xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.7, thuộc địa phận xã xã Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 381 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu và dự án đang triển khai đầu tư.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.213 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.513 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.6: Quốc lộ 46B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.15, thuộc địa phận xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 35 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 113 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.139 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.7: Quốc lộ 46C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường bộ ven biển, thuộc địa phận phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.7, thuộc địa phận xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 111 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 368 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.589 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.8: Quốc lộ 48E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt đường bộ ven biển, thuộc địa phận phường Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.46, thuộc địa phận xã Đông Lộc, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 214 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 696 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.451 tỷ.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.9: Quốc lộ 7B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.1, thuộc địa phận xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.46B, thuộc địa phận xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 45 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 156 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.571 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.10: Quốc lộ 7C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Nghi Thiết, thuộc địa phận xã Hải Lộc, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.7, thuộc địa phận xã Bạch Ngọc, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 44 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 144 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.11: Quốc lộ 7D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.7, thuộc địa phận xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Vèo, thuộc địa phận xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 40 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 133 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.120 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.12: Quốc lộ 7E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.7, thuộc địa phận xã Tam Thái, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tam Hợp, thuộc địa phận xã Tam Thái, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 42 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 140 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.176 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.13: Quốc lộ 48B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa Lạch Quèn, thuộc địa phận xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ An

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.48, thuộc địa phận xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An

Tổng chiều dài khoảng 25 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 113 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.541 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.14: Quốc lộ 48C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.48, thuộc địa phận xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.7, thuộc địa phận xã Tam Quang, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 123 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 468 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 720 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.15: Quốc lộ 48D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Đông Hội, thuộc địa phận phường Tân Mai, tỉnh Nghệ An.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.48, thuộc địa phận xã Mường Quảng, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 165 km. Đi qua địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 632 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.487 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.16: Quốc lộ 15B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.15, thuộc địa phận xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Điểm cuối: tại vị trí cầu Cửa Nhượng, thuộc địa phận xã Cẩm Trung, tỉnh Hà Tĩnh.

Tổng chiều dài khoảng 52 km. Đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 175 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.17: Quốc lộ 15C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.15, thuộc địa phận xã Hồi Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tén Tán, thuộc địa phận xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài khoảng 113 km. Đi qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 380 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.164 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.18: Quốc lộ 8C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.15B, thuộc địa phận xã Thiên Cẩm, tỉnh Hà Tĩnh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.46, thuộc địa phận xã Kim Bảng, tỉnh Nghệ An.

Tổng chiều dài khoảng 108 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hà Tĩnh, Nghệ An.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 409 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.544 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.19: Quốc lộ 281

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Thạch Kim, thuộc địa phận xã Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.8, thuộc địa phận xã Tây Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Tổng chiều dài khoảng 100 km. Đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 384 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.962 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.20: Quốc lộ 15

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.6, thuộc địa phận xã Mai Châu, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 358 km. Đi qua địa bàn 5 tỉnh: Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.203 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.022 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.21: Quốc lộ 9B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường ven biển, thuộc địa phận xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Chút Mút, thuộc địa phận xã Kim Ngân, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 79 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 301 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.184 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.22: Quốc lộ 9C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt đường bộ ven biển, thuộc địa phận xã Cam Hồng, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Kim Ngân, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 45 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 155 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.473 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.23: Quốc lộ 9D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Cửa Việt, thuộc địa phận xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tà Rùng, thuộc địa phận xã Hướng Lập, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 106 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn từ cảng Cửa Việt đến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông đi theo tuyến đường hiện hữu, đoạn từ đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông đến cửa khẩu Tà Rùng hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.9.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 394 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.229 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.24: Quốc lộ 9E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt đường bộ ven biển, thuộc địa phận phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Trường Sơn, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 43 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 165 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 461 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.25: Quốc lộ 9G

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.1, thuộc địa phận xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Cà Roòng, thuộc địa phận xã Thượng Trạch, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 85 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Đoạn từ QL.1 đến QL.15 đi theo tuyến hiện hữu, đoạn từ QL.15 đến cửa khẩu Cà Roòng hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.9E.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - QL.15: 4 làn xe.

- Đoạn QL.15 - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 320 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.161 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.26: Quốc lộ 9F

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.9D, thuộc địa phận xã Bến Hải, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 25 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.9.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 94 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.305 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.27: Quốc lộ 9H

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.9, thuộc địa phận xã Đa Krông, tỉnh Quảng Trị.

Tổng chiều dài khoảng 45 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.9.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 175 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.850 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.28: Quốc lộ 49B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Nam Hải Lãng, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại khu vực cửa hầm Phước Tượng, thuộc địa phận xã Phú Lộc, thành phố Huế.

Tổng chiều dài khoảng 105 km. Đi qua địa bàn thành phố Huế và tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 466 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.030 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.29: Quốc lộ 49C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Cửa Việt, thuộc địa phận xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.49B, thuộc địa phận phường Phong Phú, thành phố Huế.

Tổng chiều dài khoảng 42 km. Đi qua địa bàn thành phố Huế và tỉnh Quảng Trị.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 186 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.016 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.30: Quốc lộ 49D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Diên Lộc, thuộc địa phận phường Phong Phú, thành phố Huế.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.49, thuộc địa phận xã Bình Điền, thành phố Huế.

Tổng chiều dài khoảng 55 km. Đi qua địa bàn thành phố Huế.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 242 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.609 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.31: Quốc lộ 49E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với tuyến QL.1, thuộc địa phận xã Hưng Lộc, thành phố Huế

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu A Đốt, thuộc địa phận xã A Lưới 4, thành phố Huế.

Tổng chiều dài khoảng 93 km. Đi qua địa bàn thành phố Huế.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.49.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 409 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.324 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.32: Quốc lộ 49F

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.49B, thuộc địa phận phường Phong Phú, thành phố Huế.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Hồng Vân thuộc địa phận xã A Lưới 1, thành phố Huế.

Tổng chiều dài khoảng 90 km. Đi qua địa bàn thành phố Huế

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.49.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp

Kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 395 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: 4.320 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.33: Quốc lộ 14G

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, thuộc địa phận xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Đông Giang, thành phố Đà Nẵng.

Tổng chiều dài khoảng 58 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 220 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.171 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.34: Quốc lộ 14E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Thanh Niên, thuộc địa phận xã Thăng An, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Khâm Đức, thành phố Đà Nẵng.

Tổng chiều dài khoảng 89 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 291 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: Khoảng 1.848 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.35: Quốc lộ 24B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Sa Kỳ, thuộc địa phận xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.24, thuộc địa phận xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 106 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV:

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 405 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.562 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.36: Quốc lộ 1D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Xuân Cảnh, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 35 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Gia Lai và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 154 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.680 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.37: Quốc lộ 24C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường ven biển, thuộc địa phận xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.40B, thuộc địa phận xã Trà My, thành phố Đà Nẵng.

Tổng chiều dài khoảng 87 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 380 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.923 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.38: Quốc lộ 24D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.24B, thuộc địa phận xã Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Đăk Mar, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài khoảng 110 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 368 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.112 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.39: Quốc lộ 14H

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Cửa Đại, thuộc địa phận phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Trường Sơn Đông, thuộc địa phận xã Quế Lâm, thành phố Đà Nẵng.

Tổng chiều dài khoảng 71 km. Đi qua địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 234 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 9.264 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.40: Quốc lộ 19B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Quy Nhơn, thuộc địa phận phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.24, thuộc địa phận xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 183 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Gia Lai và Quảng Ngãi.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV:

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 696 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.392 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.41: Quốc lộ 19C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.26, thuộc địa phận xã M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 182 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Gia Lai và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 615 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.115 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.42: Quốc lộ 19D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.19, thuộc địa phận xã Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Ia Khur, tỉnh Gia Lai.

Tổng chiều dài khoảng 44 km. Đi qua địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình:

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 147 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.244 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.43: Quốc lộ 19E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.19, thuộc địa phận phường An Khê, tỉnh Gia Lai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.19C, thuộc địa phận xã Xuân Phước, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng chiều dài khoảng 124 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Gia Lai và Đắk Lắk.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 543 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.535 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.44: Quốc lộ 26B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Vân Phong, thuộc địa phận phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng chiều dài khoảng 13 km. Đi qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 60 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 959 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.45: Quốc lộ 27B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.27, thuộc địa phận xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

Tổng chiều dài khoảng 53 km. Đi qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 222 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.264 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.46: Quốc lộ 27C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Diên Lạc, tỉnh Khánh Hòa.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.20, thuộc địa phận phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 121 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Khánh Hòa và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 461 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.323 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 9.47: Quốc lộ 28B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Lương Sơn, tỉnh Lâm Đồng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.20, thuộc địa phận xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 69 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 269 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.139 tỷ.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.1: Quốc lộ 55

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.51, thuộc địa phận phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.28, thuộc địa phận xã Quảng Khê, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 301 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: 4 làn xe.

- Đoạn qua địa bàn tỉnh Lâm Đồng: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.174 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 14.448 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.2: Quốc lộ 20

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.27, thuộc địa phận xã D'Ran, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng chiều dài khoảng 264 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đồng Nai và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Đối với trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.016 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.824 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến: trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.3: Quốc lộ 51

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.55, thuộc địa phận phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 65 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 6 làn xe, cấp I.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 308 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.139 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.4: Quốc lộ 13

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Hoa Lư, thuộc địa phận xã Lộc Thạnh, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 143 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 - 6 làn xe, cấp II - III.

- Đoạn qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: 6 làn xe.

- Đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 673 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.152 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.5: Quốc lộ 22

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Mộc Bài, thuộc địa phận xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 59 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 - 6 làn xe, cấp I - II.

- Đoạn qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: 6 làn xe.

- Đoạn qua địa bàn tỉnh Tây Ninh: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 276 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.664 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.6 : Quốc lộ 22B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.22, thuộc địa phận phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Chàng Riệc, thuộc địa phận xã Tân Lập, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 102 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp II - III.

- Đoạn đầu tuyến - cửa khẩu Xa Mát: 4 làn xe.

- Đoạn cửa khẩu Xa Mát - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 392 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.891 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.7: Quốc lộ N1

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.80, thuộc địa phận phường Tô Châu, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 246 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Tây Ninh, An Giang và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.057 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 19.549 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.8: Quốc lộ 50

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Phạm Thế Hiển, thuộc địa phận phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng chiều dài khoảng 87 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 380 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.149 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.9: Quốc lộ 60

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.61B, thuộc địa phận xã Tân Long, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 146km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Đồng Tháp và Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 623 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 9.390 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.10: Quốc lộ 61C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.61, thuộc địa phận xã Hỏa Lựu, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 47 km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 207 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.749 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.11: Quốc lộ 62

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.50, thuộc địa phận xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại khu kinh tế cửa khẩu Bình Hiệp, thuộc địa phận xã Bình Hiệp, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 111 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Tây Ninh và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 481 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.086 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.12: Quốc lộ 30

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Dinh Bà, thuộc địa phận xã Tân Hộ Cơ, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng chiều dài khoảng 112 km. Đi qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 486 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 9.730 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.13: Quốc lộ 80

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Tân Ngã, tỉnh Vĩnh Long.

Điểm cuối: tại khu vực kinh tế Cửa khẩu Hà Tiên, thuộc địa phận phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 216 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 952 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 13.386 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.14: Quốc lộ 91

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Ninh Kiều và phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tịnh Biên, thuộc địa phận phường Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 139 km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 614 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 9.496 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.15: Quốc lộ 63

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.61, thuộc địa phận xã Châu Thành, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 65 km. Đi qua địa bàn tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 283ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.311 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.16: Quốc lộ 91B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.91, thuộc địa phận phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 163 km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 705 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 14.105 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 10.17: Quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp
(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại ngã ba giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Đại Thành, thành phố Cần Thơ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 112 km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 490 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.440 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.1: Quốc lộ 91C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.91, thuộc địa phận phường Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu quốc tế Khánh Bình, thuộc địa phận xã Khánh Bình, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 36 km. Đi qua địa bàn tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 88 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 593 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.2: Quốc lộ N2

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.91, thuộc địa phận xã Bình Hòa, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.80, thuộc địa phận xã Bình Sơn, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 70 km. Đi qua địa bàn tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 269 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.665 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.3: Quốc lộ 13B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.14C, thuộc địa phận xã Phú Nghĩa, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với Vành đai 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường Phước Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 126 km. Đi qua địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 549 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.000 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.4: Quốc lộ 13C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.13B, thuộc địa phận phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với Vành đai 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 70 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 304 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.360 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.5: Quốc lộ 55B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.20, thuộc địa phận xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.13B, thuộc địa phận phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 99 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lâm Đồng và Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 325 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.762 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.6: Quốc lộ 54

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.80, thuộc địa phận xã Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.53, thuộc địa phận phường Trà Vinh, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 149 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Đồng Tháp và Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 652 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 12.122 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.7: Quốc lộ 53

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Phạm Hùng, thuộc địa phận phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.54, thuộc địa phận xã Tập Sơn, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 155 km. Đi qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 657 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.934 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.8: Quốc lộ 22C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Phú Hòa Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Cà Tum, thuộc địa phận xã Tân Đông, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 118 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: 4 làn xe.

- Đoạn qua địa bàn tỉnh Tây Ninh: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 389 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.674 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.9: Quốc lộ 56B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Phước Tân, thuộc địa phận xã Ninh Điền, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 190 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 716 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 18.240 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.10: Quốc lộ 50B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Nguyễn Văn Linh, thuộc địa phận xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng chiều dài khoảng 59 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với QL.1 và đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 6 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 273 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.092 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.11: Quốc lộ 51C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, thuộc địa phận xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 65 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Lâm Đồng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông và QL.55.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 214 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.240 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.12: Quốc lộ 14C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Thanh Lợi, tỉnh Tây Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 780 km. Đi qua địa bàn 6 tỉnh: Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai và Tây Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.56B: 2 làn xe.

- Đoạn QL.56B - cuối tuyến: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 3.319 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 20.821 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.13: Quốc lộ 56

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.51, thuộc địa phận phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng chiều dài khoảng 51 km. Đi qua địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 - 6 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 6 làn xe.
- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Đông - cuối tuyến: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 269 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.448 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.14: Quốc lộ 57

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.53, thuộc địa phận phường Phước Hậu tỉnh Vĩnh Long.

Điểm cuối: tại khu vực Đồn biên phòng Cổ Chiên ấp Thanh Hòa, thuộc địa phận xã Thanh Phong, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 105 km. Đi qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 414 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.657 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.15: Quốc lộ 61

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Đông Phước, thành phố Cần Thơ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.80, thuộc địa phận phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 66 km. Đi qua địa bàn Thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - QL.61C: 2 làn xe.

- Đoạn QL.61C - cuối tuyến: 4 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 296 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.418 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.16: Quốc lộ 61B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.61, thuộc địa phận phường Long Bình, thành phố Cần Thơ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.91B, thuộc địa phận phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 62 km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 155 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.439 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.17: Quốc lộ 57B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.57, thuộc địa phận xã Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long.

Điểm cuối: tại địa phận xã Thới Thuận, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 86 km. Đi qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 302 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.886 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.18: Quốc lộ 57C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.57B, thuộc địa phận xã Tân Phú, tỉnh Vĩnh Long.

Điểm cuối: tại địa phận xã Tân Thủy, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 65 km. Đi qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 230 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.499 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.19: Quốc lộ 53B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.53, thuộc địa phận phường Trường Long Hoà, tỉnh Vĩnh Long.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.53, thuộc địa phận xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng chiều dài khoảng 35 km. Đi qua địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 116 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 708 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.20: Quốc lộ 30B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.62, thuộc địa phận xã Mỹ An tỉnh Tây Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.30, thuộc địa phận phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng chiều dài khoảng 93 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Tây Ninh và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 302 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.501 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.21: Quốc lộ 30C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.30, thuộc địa phận xã An Long, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng chiều dài khoảng 101 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Tây Ninh và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 324 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.663 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.22: Quốc lộ 63B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.63, thuộc địa phận xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường ven biển, thuộc địa phận xã Long Điền, tỉnh Cà Mau.

Tổng chiều dài khoảng 54 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: An Giang và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 132 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.471 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.23: Quốc lộ 20B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Xuân Quế, tỉnh Đồng Nai.

Tổng chiều dài khoảng 36 km. Đi qua địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 157 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.435 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.24: Hành lang ven biển phía Nam

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Lương Thê Trân, tỉnh Cà Mau.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.63, thuộc địa phận xã An Biên, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 96 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: An Giang và Cà Mau.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 235 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.232 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.25: Quốc lộ 80B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.80, thuộc địa phận xã Tân Dương, tỉnh Đồng Tháp.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương, thuộc địa phận xã Vĩnh Xương, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 120 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: An Giang và Đồng Tháp.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 294 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.064 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.26: Quốc lộ 80C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.91, thuộc địa phận xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường bộ ven biển, thuộc địa phận xã Hòn Đất, tỉnh An Giang.

Tổng chiều dài khoảng 70 km. Đi qua địa bàn tỉnh An Giang

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 172 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.464 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 11.27: Quốc lộ 91D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.N1, thuộc địa phận xã Vĩnh Gia, tỉnh An Giang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.61C, thuộc địa phận xã Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

Tổng chiều dài khoảng 112 km. Đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi song hành với đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 275 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.845 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).